

**2026
PRICE LIST**



BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN
Áp dụng từ 01.04.2026



MCCB KHÔNG CHỈNH DÒNG - Dòng kinh tế

Đặc điểm kỹ thuật

Bảo vệ ngắn mạch, quá tải và có khả năng cách ly
Dòng cắt ngắn mạch 25 ~ 85kA

Chứng chỉ chất lượng từ DEKRA
Tiêu chuẩn IEC60947-2



Thông số kỹ thuật		MCCB 3P		MCCB 4P	
In (A)	Icu (kA)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
25, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	25	MF125E2*	980,000	Chú giải: *MCCB 2P	
20, 32, 40, 50	25	MF125E3	1,090,000	MF125E4	1,380,000
63, 80, 100, 125	25	MF125E3	1,150,000	MF125E4	1,380,000
100, 125, 160, 200, 250	36	MF250E3	2,300,000	MF250E4	2,980,000
250, 315, 350, 400	85	MF400E3	5,750,000	MF400E4	7,120,000
500, 630	85	MF630E3	8,625,000	MF630E4	10,140,000
700, 800	85	MF800E3	11,500,000	MF800E4	13,700,000
1000	66	ME1600S3	33,250,000	ME1600S4	43,950,000
1250	66	ME1600S3	36,150,000	ME1600S4	45,100,000
1600	66	ME1600S3	46,200,000	ME1600S4	57,800,000

MCCB KHÔNG CHỈNH DÒNG - Dòng tiêu chuẩn



Thông số kỹ thuật		MCCB 3P		MCCB 4P	
In (A)	Icu (kA)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
20, 32, 40, 50, 63, 80, 100, 125	36	MF125S3	1,705,000	MF125S4	2,205,000
32, 40, 50, 63, 80, 100, 125, 160	50	MF160S3	2,370,000	MF160S4	3,150,000
50, 63, 80, 100	65	MF160H3	2,610,000	MF160H4	3,470,000
100, 125, 160, 200, 250	50	MF250S3	3,080,000	MF250S4	4,120,000
100, 125, 160, 200, 250	65	MF250H3	3,350,000	MF250H4	4,480,000

PHỤ KIỆN MCCB

Tên phụ kiện	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Tên phụ kiện	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
Cuộn cắt	SHTP7L125M	587,000	Tiếp điểm phụ	AUX11L125M	276,000
	SHTP7L160M	587,000		AUX11L160M	276,000
	SHTP7L250M	660,000		AUX11L250M	276,000
	SHT400 (400-800)	1,290,000		AUX114000M	587,000
Cuộn thấp áp	UVTP7L125M	1,173,000	Tiếp điểm cảnh báo	ALT11L125M	276,000
	UVTP7R160M	1,275,000		ALT11L160M	276,000
	UVTP7L250M	1,393,000		ALT11L250M	276,000
	UVTP7L400M (400-800)	1,481,000		ALT11L400M	587,000
Thanh dẫn nối dài (Spreader links)	SP3P125M	454,000	Động cơ đóng cắt	MOT125M	6,680,000
	SP3P160M	572,000		MOT250M	6,680,000
	SP3P250M	1,114,000		MOT400M	10,600,000
	SP3P400M	2,141,000	Tay xoay mở rộng	ERH125M	575,000
	SP3P630M	2,757,000		ERH160M	575,000
	SP3P800M	4,883,000		ERH250M	690,000
	SP4PxxxM	140% X 3P		ERH400M	1,150,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MCB - Dòng kinh tế
Đáp ứng tiêu chuẩn EVN

Đặc điểm kỹ thuật

Tiêu chuẩn IEC 60898-1 & IEC 60947-2
Chứng nhận chất lượng bởi DEKRA & TUV

Dòng cắt mã "E" Ics = 100%Icu
Dòng cắt mã "S" Ics = 75% Icu



Thông số kỹ thuật		Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
In (A)	Icu (mã E / S)				
6, 10, 16, 20, 25, 32	6 / 10kA	MA63E 1P	77,000	MA63S 1P	138,000
40, 50, 63	6 / 10kA	MA63E 1P	86,000	MA63S 1P	147,000
6, 10, 16, 20, 25, 32	6 / 10kA	MA63E 2P	154,000	MA63S 2P	276,000
40, 50, 63	6 / 10kA	MA63E 2P	173,000	MA63S 2P	295,000
6, 10, 16, 20, 25, 32	6 / 10kA	MA63E 3P	231,000	MA63S 3P	414,000
40, 50, 63	6 / 10kA	MA63E 3P	260,000	MA63S 3P	442,000
6, 10, 16, 20, 25, 32	6 / 10kA	MA63E 4P	303,000	MA63S 4P	552,000
40, 50, 63	6 / 10kA	MA63E 4P	330,000	MA63S 4P	588,000
80, 100, 125	6 / 10kA	MA125E/Eb 1P	242,000	MA125S/Sb 1P	295,000
80, 100, 125	6 / 10kA	MA125E/Eb 2P	483,000	MA125S/Sb 2P	590,000
80, 100, 125	6 / 10kA	MA125E/Eb 3P	723,000	MA125S/Sb 3P	883,000
80, 100, 125	6 / 10kA	MA125E/Eb 4P	965,000	MA125S/Sb 4P	1,179,000

Aptomat bảo vệ quá tải và chống dòng rò RCBO
Aptomat bảo vệ chống dòng rò RCCB

Đặc điểm kỹ thuật

RCBO - Bảo vệ quá tải / ngắn mạch / dòng rò
RCCB - Tối ưu bảo vệ dòng rò

Cầu dao an toàn bảo vệ quá tải
Bảo vệ dòng rò điện tử chính xác



Thông số kỹ thuật		Số pha	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
In (A)	Icu / IΔ			
16, 20, 25, 32, 40	6kA / 30mA	1P +N	MO63EG41PN	630,000
50, 63	6kA / 30mA	1P +N	MO63EG41PN	690,000
6, 10, 16, 20, 25, 32	6kA / 30mA	1P +N	MO32EG41PN	630,000
25, 40	6kA / 30mA	1P +N	MR63EG41PN	580,000
63	6kA / 30mA	1P +N	MR63EG41PN	650,000
25, 40	6kA / 30mA	3P +N	MR63EG43PN	920,000
63	6kA / 30mA	1P +N	MR63EG43PN	960,000
100	6kA / 30mA	3P +N	MR100EG43PN	1,110,000
15, 20, 25, 32, 40, 50	1.5kA	1P +N	MS50E	70,000
15, 20, 25, 32, 40	1.5kA / 30mA	1P +N	MO50E	180,000

PHỤ KIỆN MCB, RCBO

Tên phụ kiện	Đặc trưng	Dùng cho	Mã sản phẩm	Đơn giá
Tiếp điểm phụ	1NO1NC	MA63, MO63	AUX11MA63	265,000
Tiếp điểm cảnh báo	1NO1NC	MA63, MO63	ALT11MA63	334,000
Cuộn cắt	230VAC	MA63, MO63	SHTP7MA63	520,000
Cuộn bảo vệ quá, thấp áp	230VAC	MA63, MO63	UVTP7MA63	520,000

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

KHOẢNG ĐỘNG TỬ 3 PHA (CONTACTOR)

Đặc điểm kỹ thuật

AC-1 (Ith) dòng nhiệt lớn
Phụ kiện đồng bộ giữa các frame, lắp đặt linh hoạt

Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947 và UL 508
Tiếp điểm có tỷ lệ bạc 85%


	Thông số kỹ thuật			Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Phụ kiện kèm theo	
	Dòng điện (A)	AC-1 (A)	AC-3 (kW)			T/điểm phụ	Coil (V)
	9	25	4	MC3-9	395,000	1NO1NC	220/380
	12	25	5.5	MC3-12	435,000		
	18	40	7.5	MC3-18	504,000		
	22	40	11	MC3-22	554,000		
	32	50	15	MC3-32	720,000		
	40	60	18.5	MC3-40	792,000		
	50	80	22	MC3-50	1,760,000		
	65	100	30	MC3-65	1,940,000		
	75	110	37	MC3-75	2,135,000		
	85	135	45	MC3-85	2,348,000		
	105	150	55	MC3-100E	3,250,000	2NO2NC	220/380
	105	150	55	MC3-100	4,450,000		
	130	150	60	MC3-130	4,650,000		
	150	200	75	MC3-150	5,380,000		
	185	230	90	MC3-185	8,750,000		
	225	260	132	MC3-225	9,110,000	2NO2NC	220/380
	265	350	140	MC3-265	13,340,000		
	330	400	180	MC3-330	17,040,000		
	400	500	220	MC3-400	26,070,000		
	500	700	280	MC3-500	32,400,000		
	630	1000	375	MC3-630	35,130,000		
800	1600	450	MC3-800	43,560,000			

RELAY NHIỆT

Đặc điểm kỹ thuật

Thanh nhiệt tên 3 pha, hoạt động chính xác
Cài đặt dễ dàng

Điện áp làm việc và cách điện lên đến 690V
Chức năng Test, Trip, Reset A/H

	Thông số kỹ thuật			
	Dòng điện (A)	Contactor connection	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
	(1 ~ 22A) 1-1.6; 1.6-2.5; 2.5-4; 4-6; 5-8; 6-9; 7-10; 9-13; 12-18; 16-22	MC3-9, MC3-12 MC3-18, MC3-22	MT3-22	286,000
	(4 ~ 40A) 4-6; 5-8; 6-9; 7-10; 9-13; 12-18; 16-22; 18-26; 24-36; 28-40	MC3-32 MC3-40	MT3-40	401,000
	(7 ~ 85A) 7-10; 9-13; 12-18; 16-22; 18-26; 24-36; 28-40; 34-50; 45-65; 54-75; 63-85	MC3-50, MC3-65 MC3-75, MC3-85	MT3-85	546,000
	(34 ~ 150A) 34-50; 39-57; 43-65; 54-80; 65-100; 85-125; 100-150	MC3-100, MC3-130 MC3-150	MT3-150	1,301,000
	(65 ~ 240A) 65-100; 85-125; 100-160; 120-180; 160 - 240	MC3-185 MC3-225	MT3-225	3,350,000

PHỤ KIỆN CONTACTOR

Tiếp điểm phụ			Cuộn hút Contactor (Coil)		
Ứng dụng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Ứng dụng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
MC3-9 ~ MC3-85	AU-1K11MC3	84,000	MC3-9 ~ MC3-40	CC40AF	156,000
MC3-9 ~ MC3-85	AU-2K11MC3	84,000	MC3-50 ~ MC3-85	CC85AF	324,000
MC3-265 ~ MC3-800	AU-4K22MC3	144,000	MC3-100 ~ MC3-150	CC150AF	1,284,000
MC3-100 ~ MC3-225	AU-100K11MC3	144,000	MC3-185 ~ MC3-225	CC225AF	1,716,000

Khóa liên động			Tiếp điểm và điện trở cho tụ bù		
Ứng dụng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Ứng dụng	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
MC3-9 ~ MC3-85	AR-9T85	122,400	Tụ điện 5 ~ 33.3 kVAr	AC-9	264,000
MC3-100 ~ MC3-150	AR-100T150	183,600	Tụ điện 22 ~ 60 kVAr	AC-50	288,000
MC3-185 ~ MC3-225	AR-185T225	244,800			

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - LOẠI FIXED
Đáp ứng tiêu chuẩn của EVN

Đặc điểm kỹ thuật

4 frame kích thước / dòng cắt
Relay bảo vệ LSIG, OV/UV/OF/UF/RP và LM
Bảo vệ chọn lọc Cat.B thuận tiện phối hợp bảo vệ
Màn hình LCD để sử dụng, kết nối Modbus

Hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng
Khả năng chịu điện áp cách điện: 1000V
Điện áp xung sét 12kV
Tốc độ đóng / cắt: <70/30ms

Thông số kỹ thuật			ACB 3P		ACB 4P	
In (A)	Icu (kA)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	
630A	80	MA3-06B3-3H-FHD	42,550,000	MA3-06B4-3H-FHD	49,800,000	
800A	80	MA3-08B3-3H-FHD	42,550,000	MA3-08B4-3H-FHD	49,800,000	
1000A	80	MA3-10B3-3H-FHD	45,800,000	MA3-10B4-3H-FHD	53,600,000	
1250A	80	MA3-12B3-3H-FHD	47,200,000	MA3-12B4-3H-FHD	55,300,000	
1600A	80	MA3-16B3-3H-FHD	48,300,000	MA3-16B4-3H-FHD	56,200,000	
2000A	80	MA3-20B3-3H-FHD	52,080,000	MA3-20B4-3H-FHD	61,800,000	
2000A	85	MA3-20C3-3H-FHD	62,300,000	MA3-20C4-3H-FHD	77,200,000	
2500A	85	MA3-25C3-3H-FHD	62,300,000	MA3-25C4-3H-FHD	77,200,000	
3200A	85	MA3-32C3-3H-FHD	70,400,000	MA3-32C4-3H-FHD	87,600,000	
2500A	100	MA3-25D3-3H-FHD	104,600,000	MA3-25D4-3H-FHD	125,800,000	
3200A	100	MA3-32D3-3H-FHD	119,700,000	MA3-32D4-3H-FHD	145,500,000	
4000A	100	MA3-40D3-3H-FHD	128,400,000	MA3-40D4-3H-FHD	155,400,000	



MÁY CẮT KHÔNG KHÍ - LOẠI DRAW-OUT
Đáp ứng tiêu chuẩn của EVN

Đặc điểm kỹ thuật

4 frame kích thước / dòng cắt
Relay bảo vệ LSIG, OV/UV/OF/UF/RP và LM
Bảo vệ chọn lọc Cat.B thuận tiện phối hợp bảo vệ
Màn hình LCD để sử dụng, kết nối Modbus

Hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng
Khả năng chịu điện áp cách điện: 1000V
Điện áp xung sét 12kV
Tốc độ đóng / cắt: <70/30ms

Thông số kỹ thuật			ACB 3P		ACB 4P	
In (A)	Icu (kA)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	
630A	80	MA3-06B3-3H-DHD	58,400,000	MA3-06B4-3H-DHD	70,500,000	
800A	80	MA3-08B3-3H-DHD	58,400,000	MA3-08B4-3H-DHD	70,500,000	
1000A	80	MA3-10B3-3H-DHD	62,500,000	MA3-10B4-3H-DHD	76,200,000	
1250A	80	MA3-12B3-3H-DHD	64,200,000	MA3-12B4-3H-DHD	78,500,000	
1600A	80	MA3-16B3-3H-DHD	65,800,000	MA3-16B4-3H-DHD	80,200,000	
2000A	80	MA3-20B3-3H-DHD	76,800,000	MA3-20B4-3H-DHD	95,800,000	
2000A	85	MA3-20C3-3H-DHD	98,400,000	MA3-20C4-3H-DHD	123,800,000	
2500A	85	MA3-25C3-3H-DHD	98,400,000	MA3-25C4-3H-DHD	123,800,000	
3200A	85	MA3-32C3-3H-DHD	110,800,000	MA3-32C4-3H-DHD	140,000,000	
2500A	100	MA3-25D3-3H-DHD	183,400,000	MA3-25D4-3H-DHD	235,600,000	
3200A	100	MA3-32D3-3H-DHD	188,500,000	MA3-32D4-3H-DHD	242,500,000	
4000A	100	MA3-40D3-3H-DHD	195,300,000	MA3-40D4-3H-DHD	249,400,000	
5000A	135	MA3-50E3-3H-DHE	459,400,000	MA3-50E4-3H-DHE	533,600,000	
6300A	135	MA3-63E3-3H-DHE	472,500,000			



PHỤ KIỆN ACB

Tên phụ kiện	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Tên phụ kiện	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
Bộ bảo vệ thấp áp	UVT	1,890,000	Khóa liên động	2-WAY (với 2 ACB)	10,260,000
	UVT + Time	4,200,000		3-WAY (với 3 ACB)	14,850,000
Cuộn đóng / cắt	CC / SHT	1,490,000	Khóa phím đóng cắt	KeyK1	1,080,000
Thanh cái chuyển ngang dọc	SPACB1016	2,160,000		KeyK2	1,490,000
	SPACB2000	2,830,000		KeyK3	2,840,000
Động cơ lên cốt	MDACB220VAC	5,130,000		KeyK4	2,970,000



Giá ACB trên đã bao gồm full phụ kiện (cuộn đóng, cuộn cắt, Motor) và relay 3H full chức năng tích hợp luôn UVT

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

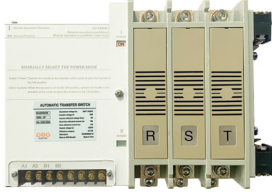
BỘ CHUYỂN NGUỒN ATS

Đặc điểm kỹ thuật

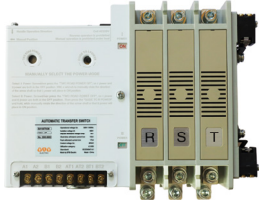
Kết cấu chắc chắn, thiết kế nhỏ gọn
Tùy chọn chuyển đổi nguồn A <> B hoặc A <> OFF <> B
Tùy chọn bộ điều khiển tích hợp hoặc bên ngoài

Điện áp 500V - 50/60Hz
Dòng điện 63A - 2000A
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-6-1

Dòng điện (A)	Kiểu chuyển mạch	Số cực	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
100	ON-ON	2	BA100NN2M	7,670,000
		3	BA100NN3M	9,290,000
		4	BA100NN4M	10,690,000
250	ON-ON	3	BA250NN3M	11,480,000
		4	BA250NN4M	13,590,000
400	ON-ON	3	BA400NN3M	25,700,000
		4	BA400NN4M	31,600,000
630	ON-ON	3	BA630NN3M	27,060,000
		4	BA630NN4M	33,340,000



Dòng điện (A)	Kiểu chuyển mạch	Số cực	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
100	ON-OFF-ON	2	BA100TN2M	9,070,000
		3	BA100TN3M	10,690,000
		4	BA100TN4M	12,200,000
250	ON-OFF-ON	3	BA250TN3M	12,670,000
		4	BA250TN4M	14,690,000
400	ON-OFF-ON	3	BA400TN3M	26,380,000
		4	BA400TN4M	32,660,000
630	ON-OFF-ON	3	BA630TN3M	27,750,000
		4	BA630TN4M	34,400,000



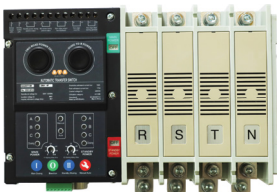
Dòng điện (A)	Kiểu chuyển mạch	Số cực	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
800	ON-OFF-ON	3	BA800PC3M	51,950,000
		4	BA800PC4M	61,430,000
1000	ON-OFF-ON	3	BA10HPC3M	59,880,000
		4	BA10HPC4M	71,960,000
1250	ON-OFF-ON	3	BA12HPC3M	68,090,000
		4	BA12HPC4M	82,490,000
1600	ON-OFF-ON	3	BA16HPC3M	88,100,000
		4	BA16HPC4M	108,110,000
2000	ON-OFF-ON	3	BA20HPC3M	108,110,000
		4	BA20HPC4M	134,080,000



Dòng điện (A)	Kiểu chuyển mạch	Số cực	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
63	ON-ON Tự động điều khiển	2	BA063HY2M	1,980,000
		4	BA063HY4M	2,510,000



Dòng điện (A)	Kiểu chuyển mạch	Số cực	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
100	ON-OFF-ON Có sẵn bộ điều khiển	3	BA100TY3M	11,880,000
		4	BA100TY4M	13,070,000
250	ON-OFF-ON Có sẵn bộ điều khiển	3	BA250TY3M	15,980,000
		4	BA250TY4M	18,360,000
400	ON-OFF-ON Có sẵn bộ điều khiển	3	BA400TY3M	29,570,000
		4	BA400TY4M	36,050,000
630	ON-OFF-ON Có sẵn bộ điều khiển	3	BA630TY3M	31,020,000
		4	BA630TY4M	37,910,000



BỘ ĐIỀU KHIỂN ATS

Đặc điểm kỹ thuật

Thiết kế chắc chắn, hiển thị trực quan dễ sử dụng
Tùy chọn điều khiển A <> B hoặc A <> OFF <> B

Khả năng chuyển đổi mạch lớn
Chức năng bảo vệ U, f, ngược pha, mất pha

Hoạt động	Dùng cho	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
ON-OFF-ON	ATS loại TN	Hanpro1000	4,200,000
ON-OFF-ON ON-ON	ATS loại NN, TN, PC	ATbSC55	4,980,000
ON-OFF-ON ON-ON	ATS loại NN, TN, PC	ATbSC56	6,710,000



Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

TỤ BÙ CHỐNG CHÁY NỔ (TUV Quality)

Đặc điểm kỹ thuật

Khả năng chịu sóng hài cao THDu 4%
Tổn thất thấp ≤ 0.2 W/kVAR

Không chứa PBCs an toàn cho môi trường
Tự động ngắt kết nối khi quá áp suất tránh cháy nổ

Mô tả	Dung lượng (kVAr)	Kích thước DxH (mm)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
<i>Made in Malaysia</i>				
Tụ bù chống cháy nổ 5kVAr 440V	5	60x158	BDC4405M	810,000
Tụ bù chống cháy nổ 10kVAr 440V	10	75x225	BDC4410M	1,280,000
Tụ bù chống cháy nổ 15kVAr 440V	15	75x225	BDC4415M	1,470,000
Tụ bù chống cháy nổ 20kVAr 440V	20	75x287	BDC4420M	1,800,000
Tụ bù chống cháy nổ 25kVAr 440V	25	86x287	BDC4425M	2,050,000
Tụ bù chống cháy nổ 30kVAr 440V	30	86x329	BDC4430M	2,460,000
Tụ bù chống cháy nổ 5kVAr 525V	5	65x206	BDC5205M	950,000
Tụ bù chống cháy nổ 10kVAr 525V	10	75x225	BDC5210M	1,360,000
Tụ bù chống cháy nổ 15kVAr 525V	15	75x225	BDC5215M	1,800,000
Tụ bù chống cháy nổ 20kVAr 525V	20	86x287	BDC5220M	2,200,000
Tụ bù chống cháy nổ 25kVAr 525V	25	86x287	BDC5225M	2,450,000
Tụ bù chống cháy nổ 30kVAr 525V	30	86x329	BDC5230M	2,940,000
<i>Made in China</i>				
Tụ bù chống cháy nổ 5kVAr 250V 1 pha	5	76x240	BDC2505C1	1,340,000
Tụ bù chống cháy nổ 10kVAr 250V 1 pha	10	86x240	BDC2510C1	1,630,000
Tụ bù chống cháy nổ 15kVAr 250V 1 pha	15	96x280	BDC2515C1	1,980,000
Tụ bù chống cháy nổ 5kVAr 250V	5	76x240	BDC2505C	1,310,000
Tụ bù chống cháy nổ 10kVAr 250V	10	86x240	BDC2510C	1,610,000
Tụ bù chống cháy nổ 15kVAr 250V	15	96x280	BDC2515C	1,920,000
Tụ bù chống cháy nổ 20kVAr 250V	20	106x280	BDC2520C	2,280,000
Tụ bù chống cháy nổ 25kVAr 250V	25	116x280	BDC2525C	2,630,000
Tụ bù chống cháy nổ 5kVAr 440V	5	76x240	BDC4405C	840,000
Tụ bù chống cháy nổ 10kVAr 440V	10	76x240	BDC4410C	1,080,000
Tụ bù chống cháy nổ 15kVAr 440V	15	86x280	BDC4415C	1,300,000
Tụ bù chống cháy nổ 20kVAr 440V	20	96x280	BDC4420C	1,520,000
Tụ bù chống cháy nổ 25kVAr 440V	25	106x280	BDC4425C	1,750,000
Tụ bù chống cháy nổ 30kVAr 440V	30	116x280	BDC4430C	1,980,000
Tụ bù chống cháy nổ 5kVAr 525V	5	76x240	BDC5205C	900,000
Tụ bù chống cháy nổ 10kVAr 525V	10	76x280	BDC5210C	1,150,000
Tụ bù chống cháy nổ 15kVAr 525V	15	86x280	BDC5215C	1,410,000
Tụ bù chống cháy nổ 20kVAr 525V	20	96x280	BDC5220C	1,660,000
Tụ bù chống cháy nổ 25kVAr 525V	25	106x280	BDC5225C	1,930,000
Tụ bù chống cháy nổ 30kVAr 525V	30	116x280	BDC5230C	2,180,000



TỤ BÙ THÔNG MINH (CQC Quality)

Đặc điểm kỹ thuật

Công suất 50kVAr
Khả năng bù chia đáp ứng lệch hệ số công suất
Tích hợp cùng thiết bị đóng cắt, bảo vệ

Chức năng bảo vệ quá tải, điện áp, dòng điện, nhiệt độ
Lắp đặt, bảo dưỡng nhanh chóng
Không chứa PBCs an toàn cho môi trường

Mô tả	Dung lượng (kVAr)	Kích thước WxDxH (mm)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
<i>Made in China</i>				
Tụ bù thông minh				
Tụ bù thông minh 3P 450V 10kVAr (5+5)	10	80×395×215	BIC3-450505	7,741,800
Tụ bù thông minh 3P 450V 15kVAr (10+5)	15	80×395×235	BIC3-451005	8,190,600
Tụ bù thông minh 3P 450V 20kVAr (10+10)	20	80×395×235	BIC3-451010	8,639,400
Tụ bù thông minh 3P 450V 25kVAr (15+10)	25	80×395×315	BIC3-451510	8,863,800
Tụ bù thông minh 3P 450V 30kVAr (15+15)	30	80×395×315	BIC3-451515	9,088,200
Tụ bù thông minh 3P 450V 40kVAr (20+20)	40	80×395×315	BIC3-452020	9,537,000
Tụ bù thông minh 3P 450V 50kVAr (25+25)	50	80×395×345	BIC3-452525	10,995,600
Tụ bù thông minh 1P 250V 10kVAr (bù chia)	10	80×395×215	BIC1-2510	8,855,000
Tụ bù thông minh 1P 250V 20kVAr (bù chia)	20	80×395×265	BIC1-2520	9,537,000
Tụ bù thông minh 1P 250V 30kVAr (bù chia)	30	80×395×315	BIC1-2530	11,893,200
<i>Made in China</i>				
Tụ bù thông minh kèm cuộn kháng 7%				
10kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	10	150×533×357	BIC37-4810	16,830,000
15kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	15	150×533×357	BIC37-4815	17,503,200
20kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	20	150×533×357	BIC37-4820	19,971,600
25kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	25	150×533×407	BIC37-4825	20,644,800
30kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	30	150×533×407	BIC37-4830	21,542,400
40kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	40	150×533×407	BIC37-4840	24,347,400
50kVAr, 3P, 480V, reactor 7%	50	270×482×430	BIC37-4850	28,162,200



Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

CUỘN KHÁNG CHO TỤ BÙ (ETC1 Quality)

Đặc điểm kỹ thuật

Cuộn kháng bảo vệ tụ điện, ngăn khuếch đại sóng hài
Thiết kế đặc biệt cho độ bảo hòa từ mức cao, hiệu suất vượt trội
Sấy sơn cách điện chân không đảm bảo an toàn và giảm độ ồn (≤63dB)


Điện áp hệ thống 400/50Hz
Cách nhiệt cấp H (180°C), trang bị cảm biến bảo vệ quá nhiệt
Tiêu chuẩn: IEC 60076-6

Premium Reactor	Mô tả	Công suất tụ (kVAr/V)	Kích thước WxDxH (mm)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	
<i>Hệ số tuyến tính ≥ 1.8In</i>						
	Kháng 7%, cho tụ 10kVAr, 440V	4.31	10/440	182x120x170	BRH3740010	4,580,000
	Kháng 7%, cho tụ 15kVAr, 440V	2.88	15/440	210x135x200	BRH3740015	5,720,000
	Kháng 7%, cho tụ 20kVAr, 440V	2.16	20/440	240x170x180	BRH3740020	6,490,000
	Kháng 7%, cho tụ 25kVAr, 440V	1.73	25/440	240x160x200	BRH3740025	8,010,000
	Kháng 7%, cho tụ 30kVAr, 440V	1.44	30/440	240x165x200	BRH3740030	8,290,000
	Kháng 7%, cho tụ 40kVAr, 440V	1.08	40/440	275x175x230	BRH3740040	10,300,000
	Kháng 7%, cho tụ 50kVAr, 440V	0.86	50/440	275x175x230	BRH3740050	9,780,000
	Kháng 7%, cho tụ 60kVAr, 440V	0.72	60/440	300x180x260	BRH3740060	12,400,000
	Kháng 7%, cho tụ 75kVAr, 440V	0.58	75/440	300x220x260	BRH3740075	16,600,000
	Kháng 7%, cho tụ 80kVAr, 440V	0.54	80/440	300x220x260	BRH3740080	17,170,000
Kháng 7%, cho tụ 100kVAr, 440V	0.43	100/440	330x230x290	BRH3740100	18,600,000	
<i>Hệ số tuyến tính ≥ 1.8In</i>						
	Kháng 6%, cho tụ 20kVAr, 440V	1.85	20/440	240x170x180	BRH3640020	6,490,000
	Kháng 6%, cho tụ 25kVAr, 440V	1.48	25/440	240x160x200	BRH3640025	8,010,000
	Kháng 6%, cho tụ 30kVAr, 440V	1.23	30/440	240x165x200	BRH3640030	8,290,000
	Kháng 6%, cho tụ 40kVAr, 440V	0.92	40/440	275x175x230	BRH3640040	10,300,000
	Kháng 6%, cho tụ 50kVAr, 440V	0.74	50/440	275x175x230	BRH3640050	9,780,000
Kháng 6%, cho tụ 100kVAr, 440V	0.37	100/440	330x230x290	BRH3640100	18,600,000	
<i>Hệ số tuyến tính ≥ 1.5In</i>						
	Kháng 14%, cho tụ 20kVAr, 525V	6.14	20/525	290x171x210	BRH31440020	10,110,000
	Kháng 14%, cho tụ 25kVAr, 525V	4.91	25/525	290x185x235	BRH31440025	13,750,000
	Kháng 14%, cho tụ 30kVAr, 525V	4.09	30/525	295x195x235	BRH31440030	14,970,000
	Kháng 14%, cho tụ 40kVAr, 525V	3.07	40/525	300x200x265	BRH31440040	20,320,000
	Kháng 14%, cho tụ 50kVAr, 525V	2.46	50/525	330x200x290	BRH31440050	20,980,000
	Kháng 14%, cho tụ 100kVAr, 525V	1.23	100/525	420x250x315	BRH314400100	33,670,000

ĐIỆN TRỞ XẢ NHANH CHO TỤ ĐIỆN

Đặc điểm kỹ thuật

Giảm thời gian phóng điện của tụ điện khi nhu cầu công suất phản kháng thay đổi nhanh chóng
Sử dụng cho bước tụ lên đến 100kVAr
Điện áp hệ thống đến 690V
Kích thước nhỏ gọn 50x75x110mm

Mô tả	Điện trở	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
 Điện trở xả nhanh cho tụ điện	6kΩ	BRHDC	3,000,000



Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

CONTACTOR CHO TỤ BÙ (Intertek Quality)

Đặc điểm kỹ thuật

Độ bền số lần thao tác 250000 lần tại 440V
Số lần thao tác lên đến 100-240 lần/h

Loại bỏ sự đột biến chuyển mạch
Nâng cao hiệu suất của hệ thống tụ điện

	Mô tả	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)	Phụ kiện kèm theo	
				Tiếp điểm phụ	Điện áp coil (V)
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 9.7kVAr	MC3-9+AC-9	659,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 12.5kVAr	MC3-12+AC-9	699,000	1NO2NC	220
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 16.7kVAr	MC3-18+AC-9	768,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 18kVAr	MC3-22+AC-9	818,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 25kVAr	MC3-32+AC-9	984,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 33.3kVAr	MC3-40+AC-9	1,056,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 40kVAr	MC3-50+AC-50	2,048,000	2NO3NC	220
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 45.7kVAr	MC3-65+AC-50	2,228,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 54kVAr	MC3-75+AC-50	2,423,000		
	Contactor cho tụ 3P, 440V, 60kVAr	MC3-85+AC-50	2,636,000		

BỘ ĐIỀU KHIỂN TỤ BÙ (LCIE Quality BV)

Đặc điểm kỹ thuật

C/k tự động / bằng tay, tự hiệu chỉnh cực tính CT
Cài đặt hệ số Cosφ 0.80 ± -0.80
Đèn LED và rơ le đầu ra cảnh báo

Chức năng an toàn (mất điện 200ms tất cả bước tụ được ngắt kết nối)
Hiển thị đo lường U, I, P, Q, S sơ cấp của hệ thống
Cài đặt thân thiện với người dùng; phù hợp với tiêu chuẩn IEC 61000-6-2


	Mô tả	Bước điều khiển	Kích thước WxDxH (mm)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
	BĐK 6 cấp, 415V, 50Hz, 96x96mm	6	96x96x90	PFR96b	3,680,000
	BĐK 6 cấp, 415V, 50Hz, 144x144mm	6	144x144x67	PFR60b	3,680,000
	BĐK 8 cấp, 230V, 50Hz, (LV, MV)	8	96x96x90	PFR96Bs	4,650,000
	BĐK 8 cấp, 415V, 50Hz, 144x144mm	8	144x144x67	PFR80b	3,990,000
	BĐK 12 cấp, 415V, 50Hz, 144x144mm	12	144x144x67	PFR120b	4,520,000
	BĐK 6 cấp, 380/415V, 50Hz, 96x96mm	6	96x96x90	PFR96V7	4,890,000
	BĐK 6 cấp, 380/415V, 50Hz, 144x144mm	6	144x144x67	PFR60V7	5,050,000
	BĐK 12 cấp, 380/415V, 50Hz, 144x144mm	12	144x144x67	PFR120V7	6,180,000
	BĐK 24 cấp, 415V, 50Hz, 144x144mm	24	144x144x88	RGA-24S	14,050,000
	BĐK tụ thông minh 32 cấp	32	120x120x85	PFR-Z32	5,800,000

BỘ LỌC SÓNG HÀI CHỦ ĐỘNG (AHF ACTIVE HARMONIC FILTER)

Đặc điểm kỹ thuật

Điện áp hoạt động
Khả năng lọc dòng hài lên đến 97%
Tùy ý lựa chọn bậc hài lọc từ 2-50th

Phản hồi thoáng qua <0,1ms, phản hồi hoàn toàn <10ms
Tự động giới hạn dòng điện khi đầu ra định mức 100%
Phát hiện chiều công suất nguồn / tải

	Mô tả	Công suất (A)	Kích thước WxDxH (mm)	Mã sản phẩm	Đơn giá (VND)
	Bộ lọc sóng hài chủ động 50A, 3P, 400V	50	500x558x160	BF3050-44LD	160,000,000
	Bộ lọc sóng hài chủ động 75A, 3P, 400V	75	500x558x160	BF3075-44LD	180,000,000
	Bộ lọc sóng hài chủ động 100A, 3P, 400V	100	555x665x260	BF3100-44LD	230,000,000
	Bộ lọc sóng hài chủ động 150A, 3P, 400V	150	555x665x260	BF3150-44LD	266,000,000
	Tủ AHF 200A ~ 600A, 3P, 400V	200-600	800x800x2200	BF3xxx-44LC	***

Chú ý: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT



CÔNG TY TNHH ETINCO

Address:

33 BT5, Phap Van - Tu Hiep
New Urban Area, Yen So, Ha Noi

No. 19 Ly Van Phuc, Tan Dinh,
Ho Chi Minh City

Mail:

sales@etinco.vn

Zalo:

0939 66 44 22

Tel:

0936 66 44 22

Website:

etinco.vn